

Bản án số: 156/2017/HSST
Ngày: 27/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Anh Đại
2. Bà Lê Thị Thùy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Nga - Cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
tham gia phiên tòa: Ông Lộc Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng
Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2017/HSST
ngày 11 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

Hồ T (tên gọi khác: V); sinh ngày: 02/11/1990 tại Lạng Sơn. Nơi đăng ký
hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 9, đường N, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng
Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 8/12; con ông: Hồ Đ, sinh năm
1959 và bà Trần Thị B, sinh năm 1963; vợ: Lục T, sinh năm 1999; con: chưa có;
tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 05/7/2017 đến nay. Có
mặt.

- Người bị hại: Anh Dương Công Đ, sinh năm 1993, địa chỉ: Số 8, đường
B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Hồng Q, sinh năm
1967, địa chỉ: Số 19, đường N, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng
mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Hồ T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng
Sơn truy tố về hành vi phạm tội như sau: Khoảng 20 giờ 45 ngày 10/6/2017 tại
số nhà 8, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, Hồ T có hành vi

trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng – đen – bạc, biển kiểm soát 12P1-172.... của anh Dương Công Đ.

Tại Biên bản định giá tài sản tố tụng hình sự số 89/ĐGTSTT ngày 21/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự thành phố Lạng Sơn xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 12P1-172..., có giá trị 18.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 165/KSĐT ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Hồ T về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Hồ T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, cụ thể như sau: Khoảng 20 giờ ngày 10/6/2017 bị cáo xin đi nhờ xe ô tô, biển kiểm soát 12A – 043...của ông Bùi Hồng Q đến đến đường b, phường H, thành phố L với mục đích để đòi nợ và được ông Bùi Hồng Q đồng ý. Trên đường đi bị cáo nhờ ông Bùi Hồng Q qua số nhà 7, đường C, phường Đ, thành phố L để đón vợ của bị cáo là Lục T về nhà. Khi về đến nhà bị cáo vào phòng ngủ của mình lấy mũ bảo hiểm, khẩu trang và 01 chìa khóa xe mô tô trước đó bị cáo nhặt được trên xe ô tô của ông Vũ Q. Khi đến số nhà 8, đường B, phường H, thành phố L là nhà của anh Dương Công Đ, bị cáo nhìn thấy trong sân có dựng một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave. Bị cáo xuống xe đội mũ bảo hiểm, đeo khẩu trang đi về phía nhà anh Dương Công Đ, quan sát xung quanh không thấy người, bị cáo đi đến chỗ để xe mô tô, dùng chìa khóa mang theo mở ổ khóa điện, nổ máy điều khiển xe đi về hướng bên xe phía Bắc. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo điều khiển xe đến nhà ông Bùi Hồng Q, mượn kìm tháo biển kiểm soát rồi điều khiển xe đi chơi. Đến ngày 11/6/2017, bị cáo bán chiếc xe mô tô cho ông Bùi Hồng Q với giá 2.800.000 đồng. Số tiền trên bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Tại phiên tòa trong phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Người bị hại anh Dương Công Đ cho biết: Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 10/6/2017 sau khi đi làm về anh dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng – đen – bạc, biển kiểm soát 12P1-172.... trong sân nhà mình, đến khoảng 20 giờ 55 phút cùng ngày, khi anh chuẩn bị lấy xe đi mua đồ ăn thì phát hiện thấy một nam thanh niên mặc áo đen, đội mũ bảo hiểm, đeo khẩu trang đang dắt xe của anh đi. Anh chạy từ trong nhà ra đuổi theo nam thanh niên đó nhưng không kịp và anh đến Cơ quan Công an trình báo sự việc bị mất xe. Sau đó Cơ quan điều tra Công an thành phố L đã bắt được đối tượng trộm cắp chiếc xe của anh, đến ngày 28/6/2017 Cơ quan điều tra Công an thành phố L đã trả lại chiếc xe cho anh, anh đề nghị Tòa án xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật. Về phần dân sự anh không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Hồng Q cho biết: Khoảng 20 giờ ngày 10/6/2017 ông Bùi Hồng Q điều khiển xe ô tô, biển kiểm soát 12A-043.... để đi kiểm tra trại lợn của mình tại xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì Hồ

T bảo cho đi nhờ lên ngã 3 N để đòi nợ, ông đồng ý cho Hồ T đi nhờ. Trên đường đi Hồ T nhờ ông đi đón vợ của Hồ T tại số 7, đường C, phường Đ, thành phố L để về nhà tại số 9, đường N, phường T, thành phố L. Khi về đến nơi vợ chồng Hồ T xuống xe đi vào nhà, sau đó Hồ T ra xe và bảo ông đưa đến khu vực ngã 3 đường B – T – L để đòi nợ, khi đến trước cửa một ngôi nhà ở đường B, Hồ T bảo dừng xe lại. Sau đó Hồ T xuống xe đeo khẩu trang, đội mũ bảo hiểm đi đến chỗ chiếc xe, cúi thấp người mở khóa điện, điều khiển xe về hướng bên xe phía Bắc ra Quốc lộ 1A. Ông cũng điều khiển xe đi vào trang trại của mình, khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, khi ông đang ở nhà thì Hồ T đi xe mô tô đến nhà của ông và hỏi mượn kìm để tháo biển kiểm soát, ông có hỏi *“xe của ai mà phải tháo biển kiểm soát”*, T trả lời *“đây là xe của thằng bạn nợ tiền cháu nên cháu bắt nợ”*. Sau khi tháo biển kiểm soát xong Hồ T điều khiển xe đi. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày Hồ T quay lại nhà ông hỏi vay tiền và bảo bán chiếc xe mô tô trên với giá 3.000.000 đồng. Khi đó do không có tiền nên ông không mua, đến chiều 11/6/2017 Hồ T đến bán chiếc xe mô tô cho ông với giá 2.800.000 đồng, ông yêu cầu Hồ T đưa giấy tờ xe thì Hồ T bảo hôm sau sẽ lấy giấy tờ về cho ông. Sau đó không thấy Hồ T đưa giấy tờ xe, ông nghi ngờ chiếc xe do phạm tội mà có, nên ngày 13/6/2017 ông đã đem chiếc xe giao nộp cho Công an thành phố L. Trong sự việc Hồ T đi trộm cắp tài sản ông Bùi Hồng Q không được bàn bạc với Hồ T, ông đề nghị Tòa án xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật. Ông yêu cầu bị cáo phải trả lại cho ông số tiền 2.800.000 đồng ông đã bỏ ra để mua chiếc xe mô tô với bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định đã truy tố đối với bị cáo; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138, Điều 33; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hồ T từ 18 đến 24 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo vì bị cáo không có việc làm, không có tài sản.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô cho chủ sở hữu là anh Dương Công Đ.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả lại cho ông Bùi Hồng Q số tiền 2.800.000 đồng.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên

toà. Có đủ cơ sở để khẳng định: Khoảng 20 giờ 45 ngày 10/6/2017 tại số nhà 8, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, Hồ T có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng – đen – bạc, biển kiểm soát 12P1-172... của anh Dương Công Đ, tài sản bị cáo trộm cắp qua định giá có giá trị 18.000.000 đồng. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Hồ T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thấy rằng, hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn thành phố. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi của bị cáo gây ra phải được xử lý nghiêm trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Để có mức án thỏa đáng ngoài việc xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo, cần phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Xét về nhân thân: Ngày 26/10/2010 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố L xử phạt 02 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; ngày 16/01/2016 bị Công an thành phố L xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 750.000 đồng. Mặc dù bị cáo đã chấp hành xong bản án và quyết định xử phạt vi phạm hành chính, bị cáo đã đương nhiên được xóa án tích, nhưng điều này thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu, coi thường pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Tại phiên toà cũng như trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải về việc làm của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không có.

Về hình phạt bổ sung: Theo biên bản xác minh ngày 24 tháng 9 năm 2017 thể hiện bị cáo không có tài sản, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo. Đề nghị này là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Dương Công Đ đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với yêu cầu của ông Bùi Hồng Q, yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm trả lại cho ông số tiền 2.800.000 đồng. Trước yêu cầu của ông Bùi Hồng Q, bị cáo đồng ý trả lại cho ông Bùi Hồng Q số tiền 2.800.000 đồng. Hội đồng xét xử

thấy việc bị cáo đồng ý trả lại cho ông Bùi Hồng Q số tiền 2.800.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Không có.

Trong quá trình điều tra bị cáo Hồ T khai nhận khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản được bàn bạc với Bùi Hồng Q cùng tham gia thực hiện. Tại phiên tòa bị cáo khẳng định bị cáo tự mình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, không được bàn bạc với Bùi Hồng Q khi đi trộm cắp tài sản. Trước khi đi trộm cắp tài sản bị cáo nói với ông Bùi Hồng Q cho đi nhờ xe để đi đòi nợ. Cơ quan điều tra Công an thành phố L đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ và xác định Bùi Hồng Q không đồng phạm với bị cáo trong vụ án này. Do vậy không có căn cứ để xử lý Bùi Hồng Q trong vụ án này.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Hồ T phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p, khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hồ T 18 (mười tám) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 05/7/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, Điều 589 và Điều 357 của Bộ luật dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Hồ T đối với ông Bùi Hồng Q, bị cáo có trách nhiệm trả lại cho ông Bùi Hồng Q số tiền 2.800.000 đồng (*hai triệu tám trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bị cáo Hồ T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

"Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND thành phố Lạng Sơn;
- Công an thành phố L;
- Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Hoàng Văn Duy